



BẢNG CHẤM ĐIỂM

Kỳ đánh giá: **Năm 2026** (KD-001) — Bộ cấu hình: **Năm 2026**
Đơn vị: **Xã Thụ Vũ (X-80)** — Khối: **Phường, Xã**

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
Chỉ số CCHC_Phuong/Xa			
I ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC	74.00	63.06	
1 CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	10.50	3.75	
1.1 Kế hoạch CCHC	1.00	1.00	
1.1.1 Ban hành kế hoạch CCHC <i>Có đầy đủ nhiệm vụ theo kế hoạch của tỉnh, thực hiện phân công trách nhiệm, đảm bảo sản phẩm, thời gian hoàn thành cụ thể; thời gian ban hành: chậm nhất 15 ngày làm việc sau thời gian ban hành kế hoạch CCHC trong năm đó của UBND tỉnh : 0.5</i> <i>Không đạt một trong các yêu cầu trên: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • Phụ lục Kế hoạch CCHC nam 2026 bản chuẩn (1).doc • Kế hoạch CCHC năm 2026.pdf Giải trình: Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 09/01/2026 về cải cách hành chính xã Thụ Vũ năm 2026, kèm theo phụ lục cải cách hành chính năm 2026
1.1.2 Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5</i> <i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.25</i> <i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • BÁO CÁO (6 tháng) CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ.pdf Giải trình: Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 3/7/2026 về công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2026
1.2 Công tác kiểm tra CCHC	1.00	0.00	
1.2.1 Tỷ lệ phòng, ban, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trực tiếp CCHC trong năm đánh giá (thời điểm kiểm tra bảo đảm trước thời điểm tự đánh giá của đơn vị là 60 ngày) <i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 0.25</i> <i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0.15</i> <i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>	0.25	0.00	Giải trình: UBND xã xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026 nhưng chưa tổ chức kiểm tra ở các đơn vị trong năm 2026
1.2.2 Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra <i>Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý}) \times 0.50] / (100\%)$</i> <i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>	0.50	0.00	Giải trình: UBND xã chưa tổ chức đi kiểm tra ở các đơn vị trong năm 2026, chưa phát hiện được hạn chế, thiếu sót của đơn vị
1.2.3 Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại hạn chế sau kiểm tra (thời điểm báo cáo phải trước thời điểm tự	0.25	0.00	Giải trình: UBND xã chưa tổ chức đi kiểm tra ở các đơn vị trong năm 2026, chưa phát hiện được hạn chế, thiếu sót. Không có báo cáo khắc phục sau kiểm tra

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
đánh giá của đơn vị) <i>Có báo cáo đúng thời gian quy định: 0.25</i> <i>Không có hoặc gửi báo cáo quá thời gian quy định: 0</i>			
1.3 Công tác tuyên truyền CCHC	1.25	1.25	
1.3.1 Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC <i>Có ban hành kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch CCHC năm, đảm bảo rõ nội dung phân công nhiệm vụ, sản phẩm, thời gian thực hiện: 0.25</i> <i>Không có kế hoạch hoặc nội dung không đảm bảo: 0</i>	0.25	0.25	Tài liệu: • KH thông tin tuyên truyền CCHC 2026.pdf Giải trình: Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2026 về Thông tin, tuyên truyền Cải cách hành chính nhà nước năm 2026 trên địa bàn xã Thư Vũ
1.3.2 Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC <i>Tuyên truyền nội dung CCHC đầy đủ các hình thức gồm: Trang thông tin điện tử; Hệ thống truyền thanh trên địa bàn; Hội nghị, cuộc họp chuyên đề về CCHC: 0.25</i> <i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua một trong các hình thức sau: Tổ chức cuộc thi; cuộc tọa đàm; tờ rơi, pano... tuyên truyền về CCHC: 0.25</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • BÁO CÁO (6 tháng) CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ.pdf Giải trình: Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 3/7/2026 về công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2026 Đường link truy cập: https://thuvu.hungyen.gov.vn/thu-vu
1.3.3 Tham gia các lớp tập huấn về CCHC theo kế hoạch do Bộ Nội vụ, tỉnh tổ chức theo đúng thành phần triệu tập <i>Tham gia đầy đủ theo thành phần: 0.5</i> <i>Tham gia không đúng thành phần: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • CV triệu tập -CB, CC tập huấn 3 bộ chỉ số năm 2026.pdf Giải trình: Công văn số 815/UBND-VHXXH ngày 14/9/2026 về việc triệu tập cán bộ, công chức tham gia lớp tập huấn Chỉ số CCHC, PAPI, DDCI năm 2026
1.4 Có sáng kiến về nội dung CCHC được cấp cơ sở công nhận <i>Có từ 02 sáng kiến trở lên: 1</i> <i>Có 01 sáng kiến: 0.5</i> <i>Không có sáng kiến: 0</i>	1.00	0.00	Giải trình: Địa phương chưa phát hiện được nhân tố có sáng kiến về CCHC
1.5 Tổ chức hội nghị đối thoại với doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh theo chuyên ngành, lĩnh vực phụ trách <i>Có tổ chức: 1</i> <i>Không tổ chức: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • Kế hoạch đối thoại CT với thanh niên 2026.pdf • đường link truy cập đối thoại chủ tịch với thanh niên xã Thư Vũ.pdf Giải trình: - Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 12/3/2026 về việc Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã với thanh niên trên địa bàn xã Thư Vũ năm 2026 - Đường link truy cập: https://thuvu.hungyen.gov.vn/thu-vu-to-chuc-doi-thoai-giua-chu-tich-ubnd-xa-voi-thanh-nien-nam-2026-c2300.html - Đường link truy cập: https://thuvu.hungyen.gov.vn/thu-vu-lan-dau-to-chuc-dien-dan-doi-thoai-truc-tiep-giua-lanh-dao-xa-va-thanh-nien-cong-giao-trong-m-c2321.html

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
1.6 Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan	4.75	0.00	
1.6.1 Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times 1.00 + (c/a) \times 0.50$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ. c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.</i>	1.00	—	
1.6.2 Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao phân cấp cho xã qua theo dõi, phối hợp với các sở, ban, ngành chủ trì <i>Thực hiện từ 70% - đến 100% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 1.00)/(100\%)]$ Thực hiện dưới 70% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản, điều hành: 0</i>	1.00	0.00	
1.6.3 Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh <i>100% nhiệm vụ phối hợp được triển khai và thực hiện từ 70% - đến 100% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 2.00)/(100\%)]$ 100% nhiệm vụ phối hợp được triển khai và thực hiện từ 0% - dưới 70% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 1.50)/(100\%)]$ Từ 70% - 100% nhiệm vụ phối hợp được triển khai và thực hiện từ 70% - dưới 100% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản, điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 1.00)/(100\%)]$ Từ 70% - 100% nhiệm vụ phối hợp được triển khai và thực hiện từ 0% - dưới 70% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản, điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 0.75)/(100\%)]$ Thực hiện dưới 70% số nhiệm vụ phối hợp: 0</i>	2.00	0.00	
1.6.4 Thực hiện công tác CCHC gắn với Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh do Bộ Nội vụ công bố <i>Không có những tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số CCHC cấp tỉnh do Bộ Nội vụ đánh giá trong năm trước</i>	0.75	—	

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
<i>liền kề năm: 0.75</i> <i>Có những tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số CCHC cấp tỉnh do Bộ Nội vụ đánh giá trong năm trước liền kề năm đánh giá: 0</i>			
1.7 Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ <i>Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC đúng quy định: 0.5</i> <i>Có 01 báo cáo trở lên chậm thời gian hoặc nội dung không đảm bảo theo quy định: 0.25</i> <i>Thiếu 01 báo cáo trở lên theo quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • BÁO CÁO (6 tháng) CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ.pdf Giải trình: Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 3/7/2026 về công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2026
2 XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	10.00	10.00	
2.1 Thực hiện xây dựng và ban hành VBQPPL đảm bảo đúng nội dung, hình thức, đúng trình tự, thủ tục, đúng thời hạn <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % số văn bản được hành đúng thẩm quyền, quy trình) x 3/ (100%)]</i>	3.00	3.00	Tài liệu: • 03.2025_0001.pdf • QĐ 01.2025_0001.pdf • QĐ 02.2025.pdf • 5 Quyết định bãi bỏ các VBQPPL xã.pdf • QĐ 04.2025.pdf • 4 Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia thành viên Ủy ban.pdf • CV lấy ý kiến thông qua dự thảo QĐ bãi bỏ các văn bản QPPL (1).pdf • 2 Báo cáo thẩm định.pdf • 3 Tờ trình dự thảo Quyết định bãi bỏ VBQPPL.pdf • 4 Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia thành viên Ủy ban.pdf • CV lấy ý kiến thông qua dự thảo QĐ bãi bỏ các văn bản QPPL (1).pdf Giải trình: Đã ban hành đầy đủ các VBQPPL theo đúng trình tự, thủ tục
2.2 Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2.50	2.50	
2.2.1 Ban hành kế hoạch TDTHPL <i>Có ban hành kịp thời: 0.5</i> <i>Ban hành không kịp thời: 0.25</i> <i>Không ban hành: 0</i>	0.50	0.50	Giải trình: Ban hành Kế hoạch thi hành pháp luật
2.2.2 Thực hiện các hoạt động về TDTHPL <i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.5</i> <i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.5</i> <i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5</i>	1.50	1.50	Giải trình: Ban hành báo cáo Thi hành pháp luật
2.2.3 Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật <i>Thực hiện xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0.5</i> <i>Không thực hiện xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL</i>	0.50	0.50	Giải trình: báo cáo thi hành pháp luật

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
<i>theo thẩm quyền: 0</i>			
2.3 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	4.50	4.50	
2.3.1 Ban hành kế hoạch xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL <i>Có ban hành kế hoạch của cơ quan đáp ứng yêu cầu về xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL theo kế hoạch của UBND tỉnh: 0.5</i> <i>Có ban hành nhưng nội dung chưa đảm bảo quy định: 0.25</i> <i>Không ban hành kế hoạch: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • Kế hoạch rà soát Văn bản QPPL.pdf • KH Kiểm tra công tác ban hành văn bản QPPL trình.pdf • Rà soát.pdf Giải trình: Ban hành đầy đủ kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL
2.3.2 Kiểm tra VBQPPL <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % văn bản kiểm tra do UBND cấp xã ban hành có phiếu kiểm tra x 1.00)/100]</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • BC-Rà-soát-văn-bản-QPPL-201-2026 (2).pdf Giải trình: báo cáo rà soát Văn bản QPPL
2.3.3 Thực hiện rà soát VBQPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành - Quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hằng năm trước ngày 31/01: 0.25 - Quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hằng năm chậm ban hành (trừ trường hợp không có văn bản hết, ngưng hiệu lực): 0 - Có Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL: 0.25 - Không có Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL: 0	0.50	0.50	Giải trình: Trong năm 2025, UBND xã k có văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
2.3.4 Xử lý các văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá theo công thức: [(Tỷ lệ % văn bản được xử lý x 1)/100]</i> <i>Dưới 70% văn bản được xử lý: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • BC-Rà-soát-văn-bản-QPPL-201-2026 (2).pdf Giải trình: Báo cáo rà soát Văn bản QPPL
2.3.5 Chất lượng tự kiểm tra văn bản <i>Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện, kết luận không có văn bản nào trái về nội dung hoặc sai về thể thức, kỹ thuật trình bày: 1</i> <i>Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện, kết luận từ 01 văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc sai về thể thức, kỹ thuật trình bày mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra: 0.5</i> <i>Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện, kết luận từ 02 văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc sai về thể thức, kỹ thuật trình bày mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra: 0</i>	1.00	1.00	Giải trình: Đã tự kiểm tra theo quy định
2.3.6 Thực hiện đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Bộ Tư	0.50	0.50	Giải trình:

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản <i>Thực hiện đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản như: Triển khai thực hiện theo các công văn, kết luận đảm bảo đúng hạn, xây dựng báo cáo đúng thời hạn: 0.5</i> <i>Thực hiện đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản như: Triển khai thực hiện theo các công văn, kết luận nhưng bị quá hạn, nộp báo cáo chậm quá thời hạn: 0.25</i> <i>Không thực hiện đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản như: Không triển khai thực hiện theo các công văn, kết luận, không xây dựng báo cáo: 0</i>			tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do STP, SNV tổ chức
3 CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13.00	12.29	
3.1 Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm <i>Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm của đơn vị bảo đảm về thời hạn, nội dung theo Kế hoạch của UBND tỉnh: 1</i> <i>Không ban hành hoặc ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm của đơn vị không bảo đảm về thời hạn hoặc về nội dung theo Kế hoạch của UBND tỉnh: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • QĐ ban hành KH KSTTHC.pdf • KH_KSTTHC_xã Thu Vũ_2026.pdf • BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf • _baocaotoantinh6a 2025.xls
3.2 Thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC	1.00	1.00	
3.2.1 Thực hiện đăng ký nội dung rà soát, đánh giá TTHC theo đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh, phục vụ việc xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh <i>Có đăng ký TTHC và được phê duyệt trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của UBND tỉnh: 0.5</i> <i>Có đăng ký TTHC nhưng không được phê duyệt trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của UBND tỉnh: 0.25</i> <i>Không đăng ký TTHC hoặc đăng ký muộn thời hạn: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • BC KSTTHC THÁNG 5.pdf • BC KSTTHC QUÝ I 2026.pdf • BC KSTT HC 6 THÁNG.pdf • BC KSTTHC THÁNG 7.pdf • BC KSTT HC THÁNG 8.pdf • BC KSTT HC QUÝ III.pdf Giải trình: Trong năm 2026 UBND tỉnh chưa ban hành nội dung này đối với cấp xã
3.2.2 Tổ chức thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC theo Kế hoạch của UBND tỉnh giao <i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i> <i>(Đối với những đơn vị không được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thì điểm được đánh giá tối đa)</i> <i>Không thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf • _baocaotoantinh6a 2025.xls Giải trình: Trong năm 2026 UBND tỉnh chưa ban hành nội dung này đối với cấp xã
3.3 Cập nhật đầy đủ, kịp thời hồ sơ giải quyết TTHC trên	1.25	1.25	Tài liệu:

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh <i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ; b là số hồ sơ TTHC được cập nhật.</i> <i>Nếu trường hợp tỷ lệ b/a < 0.95 thì điểm đánh giá là 0.</i>			• BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf • baocaotoantinh6a 2025.xls • kysoSL_4268594420251218_153002_INP011.pdf Giải trình: Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã năm 2025: 6145/6144*1.25 = 1.25. Trong đó: a là số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ; b là số hồ sơ TTHC được cập nhật. Tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025 (Bản Đề cương báo cáo và Biểu số IL.07b/VPCP/KSTT được kết xuất từ Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ); Báo cáo ks Quý I/2026
3.4 Tỷ lệ thực hiện tiếp nhận TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh <i>Đạt 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã: 1</i> <i>Đạt dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • Công văn triển khai phi địa giới hành chính 9.9.25.signed.pdf • Danh mục công khai phi địa giới.pdf • KH TRUYỀN THÔNG.pdf Giải trình: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt và công khai Danh mục 100% TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tiếp nhận 100% TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trên phạm vi tỉnh Hưng Yên từ ngày 10/9/2025.
3.5 Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	2.50	2.00	
3.5.1 Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong kỳ đánh giá được giải quyết đúng hạn và trước hạn <i>Đạt tỷ lệ 100%: 1</i> <i>Đạt tỷ lệ từ 99% đến dưới 100%: 0.5</i> <i>Dưới 99%: 0</i>	1.00	0.50	Tài liệu: • baocaotoantinh6a 2025.xls • BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf • 01_10_31_12 baocaotoantinh6a.xls • BC KSTT HC 6 THÁNG.pdf • BC KSTT HC QUÝ III.pdf Giải trình: Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC do CQCM cấp xã tiếp nhận trong năm 2025 như sau: - a (là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm) = 6787 hồ sơ; - b (là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn) = 6781 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn = b/a*1.5 = 6781 /6787*100% = 99,91 Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025
3.5.2 Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC <i>UBND cấp xã thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0.50</i> <i>UBND cấp xã không thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • Phiếu xin lỗi bà Bùi Thị The.pdf • phiếu xin lỗi của xã Thụ Vũ.pdf • Phiếu Xin lỗi ông Trần Hữu Điệp.pdf • Văn bản xin lỗi 6 tháng đầu năm.pdf • Phiếu xin lỗi và giải trình Nguyễn Đức Đại.pdf • phiếu xin lỗi tháng 7-8.pdf

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
3.5.3 Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công của đơn vị Đạt điểm xếp loại Xuất sắc: 1 Đạt điểm xếp loại Tốt: 0.5 Đạt điểm xếp loại dưới mức Tốt: 0	1.00	1.00	Tài liệu: - Cv 170.pdf - Cv 170-1.pdf - Cv 642.pdf - Cv 642-1.pdf - Cv 642-2.pdf - Cv 642-3.pdf - Cv 642-4.pdf - Cv 642-5.pdf - Cv 642-6.pdf - CV 1781 công bố chỉ số tháng 03 - năm 2026.pdf - PL- Kết quả tổng hợp tháng 3.2026 (3).xlsx - PL2 - Điểm tổng hợp tháng 2.pdf - CV nâng cao chỉ số 766.pdf
3.6 Thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan theo quy định - Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số (hồ sơ đã tiếp nhận + kết quả đã giải quyết). b là số (hồ sơ + kết quả giải quyết) đã được số hóa. - Nếu tỷ lệ $b/a < 80\%$ thì điểm đánh giá là 0	2.25	2.25	Tài liệu: 05_10__ Báo cáo số hóa 2025.xls 05_10_ số hóa năm 2026.xls - Cv 642-4.pdf - BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf Giải trình: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tỉnh Hưng Yên năm 2025: theo số liệu kết xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đạt $8470/8502 \times 2.25 = 2.24$; theo đó tỉnh Hưng Yên có tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt trên 80% theo quy định, Số liệu số hóa trên cổng DVC Quốc gia tháng 1: $86.09 > 80\%$ Tài liệu kiểm chứng: - Số liệu kết xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hưng Yên và trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
3.7 Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến toàn trình Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của cơ quan, đơn vị. b là tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình của DVCTT mức độ toàn trình trong năm. Nếu $b/a \geq 0.7$ thì đạt điểm tối đa.	1.00	0.80	Tài liệu: 05_10_ Báo cáo toàn trình.xls Giải trình: Tổng hợp số liệu năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau: - a là tổng số tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của cơ quan, đơn vị: 6965 hồ sơ - b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình: 2345 hồ sơ - Tỷ lệ $b/a = 2345/6965 \times 1 = 0,34$ Tài liệu kiểm chứng: Số liệu kết xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hưng Yên.
3.8 Triển khai thanh toán trực tuyến	1.50	1.49	
3.8.1 Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến	0.50	0.50	Tài liệu: - Cv 642-3.pdf 07_10_ Báo cáo hình thức thanh toán.xls - BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf Giải trình: Tính điểm theo công thức: $(25/25) \times 0.5 = 0.5$ Trong đó:

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
			25 là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính 23 là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến
3.8.2 Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>	0.50	0.50	Tài liệu: - Cv 642-3.pdf 07_10 Báo cáo hình thức thanh toán.xls - BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf Giải trình: Tính điểm theo công thức: $(23/25) \times 0.5 = 0.5$ Trong đó: 25 là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến 23 là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo xuất trên công tỉnh Báo cáo kiểm soát TTHC
3.8.3 Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>	0.50	0.49	Tài liệu: - BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf - Cv 642-3.pdf Giải trình: Tính điểm theo công thức $8620/8865 \times 0.5 = 0,49$ Trong đó 8620 là Số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán 8865 Tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo xuất từ cổng tỉnh Báo cáo kiểm soát TTHC năm 2025 Chấm điểm của tỉnh tháng 1 năm 2026
3.9 Thực hiện chế độ báo cáo về công tác kiểm soát TTHC theo quy định - <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times 1.00 + (c/a) \times 0.50$. Trong đó: a là tổng số báo cáo phải thực hiện. b là số báo cáo đã thực hiện đúng thời hạn. c là số báo cáo đã thực hiện nhưng muộn so với thời hạn. - Nếu b/a dưới 80% thì tiêu chí này chấm 0 điểm. - Kỳ số 4/4 Báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ điểm được cộng thêm: 0.5</i>	1.50	1.50	Tài liệu: - BÁO CÁO KIỂM SOÁT TTHC năm 2025.pdf - BC KSTTHC QUÝ I 2026.pdf - BC KSTTHC THÁNG 5.pdf - BC KSTT HC 6 THÁNG.pdf - BC KSTTHC THÁNG 7.pdf - BC KSTT HC QUÝ III.pdf
4 CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	10.00	9.80	
4.1 Thực hiện quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy	4.00	4.00	

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
4.1.1 Ban hành quy chế làm việc của UBND cấp xã <i>Có quy chế làm việc và thực hiện đúng quy chế: 1</i> <i>Không có quy chế hoặc thực hiện không đúng quy chế: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • QĐ 968.2026 ban hành Quy chế làm việc Ủy ban nd xã.pdf Giải trình: Ban hành Quyết định ban hành Quy chế
4.1.2 Ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho thành viên UBND cấp xã <i>Có ban hành đầy đủ, kịp thời sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi: 1</i> <i>Có ban hành nhưng chưa đầy đủ, kịp thời sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • QĐ 1029 phân công nhiệm vụ CT, PCT, UV UBND.pdf Giải trình: Ban hành Quyết định 1029/QĐ-UBND về phân công nhiệm vụ
4.1.3 Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở <i>Thực hiện đúng quy định: 1</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • 67- KẾ H Dân C cơ sở 2026 _ Bsung.pdf • 296 BC dân chủ cơ sở _ Bsung.pdf • 296- Bieu mau kèm bc.pdf • 1651 -Q chế D chủ trong cơ quan _ trình ký.pdf Giải trình: Xã thực hiện triển khai, ban hành đầy đủ các văn bản theo quy định cụ thể: - Quyết định 1651/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Thư Vũ; - Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 22/4/2026 về việc Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Thư Vũ năm 2026; - Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 19/8/2026 về việc Đánh giá kết quả tổng kết triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong giai đoạn mới
4.1.4 Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã <i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan, đơn vị: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • NQ 27.2025 Tạm giao biên ches CB,CC 2026.pdf • Quyết định tạm giao biên chế công chức hành chính năm 2026 (trình).pdf Giải trình: Xã thực hiện triển khai, ban hành đầy đủ các văn bản theo quy định cụ thể: - Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính xã Thư Vũ năm 2026; - Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 của UBND xã Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức các phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã Thư Vũ năm 2026
4.2 Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	3.00	3.00	
4.2.1 Thực hiện giao biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp đến cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo quy định <i>Đảm bảo đúng quy định: 1</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • NQ 27.2025 Tạm giao biên ches CB,CC 2026.pdf • Quyết định tạm giao biên chế công chức hành chính năm 2026 (trình).pdf • 1683Quyết định điều chỉnh tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2026 xã Thư Vũ (1).pdf • Phụ lục QĐ 1683 (1).pdf

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
<i>Không đảm bảo đúng quy định: 0</i>			Giải trình: Xã thực hiện triển khai, ban hành đầy đủ các văn bản theo quy định cụ thể: - Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính xã Thư Vũ năm 2026; - Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 của UBND xã Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức các phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã Thư Vũ năm 2026; - Quyết định 1683/QĐ-UBND ngày 7/8/2026 của UBND xã Về việc điều chỉnh tạm giao biên chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Thư Vũ năm 2026
4.2.2 Thực hiện quy định về biên chế công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo quy định <i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i> <i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • NQ 27.2025 Tạm giao biên ches CB,CC 2026.pdf • Quyết định tạm giao biên chế công chức hành chính năm 2026 (trình).pdf • 1683Quyết định điều chỉnh tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2026 xã Thư Vũ (1).pdf • Phụ lục QĐ 1683 (1).pdf • 313- BC thực trạng viên chức.pdf • 313- .Phụ lục 4 PV giao biên chế năm 2026-2027 - xã.pdf • 313- .Phụ lục 3 giao biên chế năm 2026-2027 - xã.pdf • 313- .2 PV giao biên chế năm 2026-2027 - xã.pdf Giải trình: Xã thực hiện triển khai, ban hành đầy đủ các văn bản theo quy định cụ thể: - Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính xã Thư Vũ năm 2026; - Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 của UBND xã Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức các phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã Thư Vũ năm 2026; - Quyết định 1683/QĐ-UBND ngày 7/8/2026 của UBND xã Về việc điều chỉnh tạm giao biên chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Thư Vũ năm 2026; - Báo cáo 313/BC-UBND ngày 31/8/2026 Báo cáo thực trạng đội ngũ viên chức, lao động hợp đồng năm 2026.
4.2.3 Thực hiện đề nghị với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tuyển dụng đối với các vị trí công chức, viên chức còn thiếu theo biên chế được giao <i>Có đề nghị: 1</i> <i>Không thực hiện đề nghị: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • Tờ trình đề nghị tiếp nhận viên chức bà Lai Thị Hạnh _ (đã ký số).pdf • Công văn đề nghị tiếp nhận viên chức Trạm Y tế xã Thư Vũ _ Ngọc Anh.pdf • Tờ trình Sở Nội vụ xin ý kiến tiếp nhận viên chức quản lý _ Trinh (có dấu).pdf • Báo cáo đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt phương án bố trí BCHQS_1.pdf Giải trình: Trong kỳ báo cáo, trên cơ sở biên chế được giao và nhu cầu kiện toàn tổ chức bộ máy, UBND xã đã rà soát các vị trí công chức, viên chức còn thiếu và ban hành các văn bản đề nghị Sở Nội vụ xem xét, thống nhất tiếp nhận 04 trường hợp, gồm 01 công chức và 03 viên chức, trong đó có 01 viên chức quản lý. Việc đề nghị tiếp nhận nhằm kịp thời bổ sung nhân lực, kiện toàn các vị trí còn thiếu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong quá trình tổ chức và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp
4.3 Thực hiện phân cấp quản lý	3.00	2.80	
4.3.1 Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do cấp	1.00	1.00	Tài liệu:

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
trên ban hành <i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i> <i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>			• báo cáo Cải cách hành chính năm 2025 phương hướng nhiệm vụ năm 2026.pdf • Báo cáo Sở Nội vụ phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền_ 5 2026.pdf Giải trình: - Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 31/12/2025 về Công tác cải cách hành chính năm 2025, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 - Báo cáo 153/BC-UBND ngày 15/5/2026 Về việc rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; kiến nghị, đề xuất trong quá trình thực hiện
4.3.2 Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho đơn vị trực thuộc <i>Có thực hiện: 1</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1.00	0.80	Tài liệu: • Kế hoạch Kiểm tra công vụ năm 2026 xã Thư Vũ.pdf • QĐ thành lập đoàn kiểm tra công vụ 2026 (2).pdf Giải trình: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 08/5/2026 về kiểm tra công vụ năm 2026 và Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 13/6/2026 thành lập Đoàn kiểm tra công vụ. Hiện nay, UBND xã đang chỉ đạo chuẩn bị nội dung, hồ sơ, tài liệu và dự kiến tổ chức, hoàn thành kiểm tra trong tháng đầu quý IV/2026, tập trung vào việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, quy chế làm việc, trách nhiệm tham mưu, đạo đức công vụ và giải quyết thủ tục hành chính.
4.3.3 Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra <i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1.00	1.00	Giải trình: Địa phương chưa phát hiện về vấn đề sai thẩm quyền phân cấp
5 CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	8.50	8.50	
5.1 Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2.00	2.00	
5.1.1 Thực hiện rà soát, xây dựng bổ sung, điều chỉnh vị trí việc làm khi có hướng dẫn của bộ, ngành, trung ương hoặc khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • ĐỀ ÁN VTVL CC.pdf • 22.5.Danh mục VTVL hành chính (2).doc Giải trình: Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 22/5/2026 về Vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân xã Thư Vũ
5.1.2 Việc bố trí công chức các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • QĐ PHÊ DUYỆT VTVL (3).pdf • 22.5. Bản mô tả VTVL khối UBND.... (2).doc Giải trình: Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm, tỉ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, biên chế công chức và lao động hợp đồng của UBND xã Thư Vũ
5.1.3 Việc bố trí viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp	0.50	0.50	Tài liệu:

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>			• 899-TK XDVTVL Viên chức NĐ 232-2026-NĐ-CP.pdf • 313- BC thực trạng viên chức.pdf • 313- .2 PV giao biên chế năm 2026-2027 - xã.pdf • 313- .Phụ lục 3 giao biên chế năm 2026-2027 - xã.pdf • 313- .Phụ lục 4 PV giao biên chế năm 2026-2027 - xã.pdf • 313- .Phụ lục BC PV giao biên chế năm 2026-2027 - xã.pdf Giải trình: Xã thực hiện triển khai, ban hành đầy đủ các văn bản theo quy định cụ thể: - Báo cáo 313/BC-UBND ngày 31/8/2026 Báo cáo thực trạng đội ngũ viên chức, lao động hợp đồng năm 2026. - Số lượng giao biên chế viên chức, các đơn vị đã bố trí theo đúng năng lực, nghiệp vụ chuyên môn. Thực hiện theo Nghị định 232/2026/NĐ-CP về vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp; UBND xã đã triển khai Công văn 899/UBND-VHXXH ngày 28/9/2026 V/v triển khai xây dựng, rà soát, hoàn thiện hồ sơ vị trí việc làm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP của Chính phủ Vị trí việc làm của viên chức đang thực hiện xây dựng, chưa phê duyệt VTVL viên chức trong cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập
5.1.4 Việc bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đảm bảo theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • 686-BC (01-8-2026) NHĐKCT ở thôn, tham gia ở thôn.pdf • PL 1. Biểu Số lượng thôn, tổ, NHĐKCT, người trực tiếp (CD).pdf • PL 2- Biểu Số lượng thôn, tổ, NHĐKCT, người trực tiếp (CD).pdf • PL 3- Biểu Số lượng thôn, tổ, NHĐKCT, người trực tiếp (CD).pdf Giải trình: Công văn số 686/UBND-VHXXH ngày 12/8/2026 về việc báo cáo thống kê số liệu thôn; người HDKCT, người tham gia hoạt động ở thôn
5.2 Tuyển dụng công chức, viên chức	1.50	1.50	
5.2.1 Thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã, viên chức sự nghiệp sau khi có ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định hoặc chậm triển khai: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • Quyết định tạm giao biên chế công chức hành chính năm 2026 (trình).pdf Giải trình: Trong kỳ đánh giá CCHC năm 2026, UBND xã Thụ Vũ đã bố trí, sắp xếp đội ngũ công chức bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu theo định biên và chỉ tiêu giao tại [Quyết định/Văn bản giao biên chế của UBND tỉnh. Do đó, trong năm không phát sinh nhu cầu và không thực hiện quy trình tuyển dụng công chức
5.2.2 Thực hiện việc sử dụng, tập sự sau tuyển dụng công chức, viên chức <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • QĐ MN-XL_60. Phạm Thị Trà Giang (Ủy ban nhân dân xã Thụ Vũ).pdf • QĐ MN-XL_80. Bùi Thị Hằng (Ủy ban nhân dân xã Thụ Vũ).pdf • QĐ MN-XL_232. Lục Thị Năm (Ủy ban nhân dân xã Thụ Vũ).pdf Giải trình: - Trong tháng 8, UBND xã Thụ Vũ Thực hiện tiếp nhận 10 cô giáo Mầm Non và 03 cô giáo Tiểu học trong đợt tuyển dụng của UBND tỉnh. UBND xã đã thực hiện đúng quy trình tiếp nhận; chỉ đạo Hiệu trưởng Mầm non, Tiểu học chịu trách nhiệm tiếp nhận, ký kết hợp đồng làm việc, bố trí, phân công công tác theo đúng vị trí việc làm và bậc nghề nghiệp viên chức đảm nhận.

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
5.2.3 Thực hiện đúng quy định về việc bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ, đảm bảo đúng theo yêu cầu vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • QĐ chuyển xếp ngạch công chức _ đc Thủy _ đã ký đóng dấu.pdf • 491. Trần Thị Cẩm Bình. c2 Vũ Hội (1).pdf • 493. Nguyễn Thị Quỳnh Nga. c2 Vũ Hội.pdf • 495. Nguyễn Thị Mai. c2 Vũ Hội.pdf Giải trình: - Công chức: Chuyển xếp ngạch theo đúng vị trí việc làm cho 1 công chức theo đúng quy định; Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 Về việc chuyển, xếp ngạch công chức. Hiện tất cả các công chức đã được xếp ngạch phù hợp với vị trí việc làm - Viên chức: Trong tháng 3/2026 bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức đối với 03 cô giáo theo các quyết định số 491; 493; 495/QĐ-UBND ngày 10/3/2026
5.3 Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • QĐ điều động bổ nhiệm đc Dũng.pdf Giải trình: Trong kỳ báo cáo, UBND xã đã thực hiện bổ nhiệm 01 trường hợp giữ vị trí lãnh đạo, quản lý tại cơ quan hành chính thuộc UBND xã. Quy trình bổ nhiệm được thực hiện bảo đảm đúng thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự và thủ tục theo quy định hiện hành; hồ sơ bổ nhiệm được lập, thẩm định và lưu trữ đầy đủ. Qua thực hiện, không phát sinh trường hợp bổ nhiệm sai quy định hoặc có đơn thư, phản ánh liên quan đến công tác bổ nhiệm.
5.4 Quản lý về tiền lương và chế độ chính sách đảm bảo đúng quy định <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Giải trình: Đảm bảo kinh phí chi trả chế độ chính sách
5.5 Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng <i>Có xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác: 0.5</i> <i>Thực hiện 100% Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đề ra: 0.5</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • Tờ trình đề nghị thỏa thuận điều động viên chức.pdf • KH chuyển đổi vị trí công tác 2026.pdf • Báo cáo 09 tháng 2026 PCTN+KNTC (1).pdf Giải trình: Có đầy đủ kế hoạch chuyển đổi VTCT và báo cáo về PCTN
5.6 Đánh giá, xếp loại công chức, viên chức	1.00	1.00	
5.6.1 Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại công chức, viên chức theo quy định <i>Đúng quy định: 0.5</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • 3-CV triển khai triển khai đánh giá, xếp loại chất lượng công chức quý III năm 2026 (1).pdf • 13-Thông báo kết quả xếp loại chất lượng CBCC năm 2025_0002 (trình).pdf • 120-TB đánh giá công chức Quý I .2026.pdf • 159- Triển khai đánh giá, xếp loại hàng quý đối với CCVC (1).pdf • 632-QĐ danh gia xếp loại công chức Quý I _ đã ký số (1).pdf • 632-QĐ danh gia xếp loại công chức Quý I _ đã ký số (1).pdf • 642- đánh giá quý II.pdf • 1437-QĐ đánh giá xếp loại công chức. Quý II.2026.pdf • CV Triển khai NĐ 233, đánh giá, xếp loại đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức _ Bsung.pdf

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
			• CV Triển khai ND 233, đánh giá, xếp loại đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức _ Bsung.pdf Giải trình: Công văn 159/UBND-VHXX ngày 18/3/2026 V/v thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng định kỳ hằng quý đối với công chức, viên chức. - Thông báo 120/TB-UBND ngày 08/5/2026 Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân Quý I năm 2026 đối với công chức các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ Hành chính công thuộc UBND xã Thư Vũ - Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân Quý I năm 2026 đối với công chức các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ Hành chính công thuộc UBND xã Thư Vũ - Công văn 642/UBND-VHXX V/v thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng định kỳ Quý II đối với công chức, viên chức. - Quyết định 1437/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân quý II năm 2026 đối với công chức các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ Hành chính công thuộc UBND xã Thư Vũ - Công văn số 869/UBND-VHXX ngày 24/9/2026 V/v triển khai đánh giá, xếp loại chất lượng công chức quý III năm 2026 - Công văn 836/UBND-VHXX ngày 17/9/2026 V/v triển khai thực hiện Nghị định số 233/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức trong quý III/2026
5.6.2 Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức <i>Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên do vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi công vụ: 0.5</i> <i>Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên do vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi công vụ: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • báo cáo Cải cách hành chính năm 2025 phương hướng nhiệm vụ năm 2026.pdf • 773-Công văn của UBND xã triển khai Chi thị 13 _ trình ký.pdf Giải trình: - Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 31/12/2025 về Công tác cải cách hành chính năm 2025, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 - Công văn số 773/UBND-VHXX ngày 9/9/2026 V/v triển khai thực hiện Chi thị số 13/CT-UBND của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ trong giải quyết TTHC
5.7 Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.50	1.50	
5.7.1 CBCCVC của đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ít nhất 01 tuần/ năm <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ít nhất 1 tuần/năm) x 0.5/(100%)</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • 114- Kế hoạch tập huấn chuyển đổi số năm 2026.pdf • 284-BC Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 539 (kết quả đào tạo).pdf • 284-PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP NHU CẦU ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2027-2030.pdf • 284-PHỤ LỤC I - THỐNG KÊ KẾT QUẢ NQ539.pdf Giải trình: - Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 18/6/2026 Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, Tổ công nghệ số cộng đồng xã Thư Vũ năm 2026 - Báo cáo 284/BC-UBND ngày 11/8/2026 Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 539/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hưng Yên trên địa bàn xã Thư Vũ
5.7.2 Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC <i>Báo cáo về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0.5</i> <i>Không báo cáo theo quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • 284-BC Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 539 (kết quả đào tạo).pdf • 284-PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP NHU CẦU ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2027-2030.pdf • 284-PHỤ LỤC I - THỐNG KÊ KẾT QUẢ NQ539.pdf • 879-CV triệu tập -CB, CC thuần Văn hoá công sở.pdf • CV triệu tập -CB, CC tập huấn 3 bộ chỉ số năm 2026 (1).pdf

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
			Giải trình: Đội ngũ cán bộ, công chức xã Thụ Vũ, trong năm 2026 tham gia tập huấn, bồi dưỡng đầy đủ theo đúng văn bản triệu tập. Kết quả đã thực hiện nhiều lớp cụ thể như: - Công văn số 815/UBND-VHXX ngày 14/9/2026 V/v triệu tập học viên cán bộ, công chức tham gia lớp tập huấn 03 Bộ Chỉ số năm 2026 - Công văn số 879/UBND-VHXX ngày 28/9/2026 V/v triệu tập công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng văn hoá công vụ - Báo cáo 284/BC-UBND ngày 11/8/2026 Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 539/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hưng Yên trên địa bàn xã Thụ Vũ
5.7.3 Cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đảm bảo đúng đối tượng, đủ số lượng, ý thức học tập và kỷ luật tốt trong quá trình tham gia học tập <i>Đảm bảo theo quy định: 0.5</i> <i>Không đảm bảo theo quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • 879-CV triệu tập -CB, CC thuần Văn hoá công sở.pdf • Công văn triển khai tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm giải quyết TTHC.pdf • CV triệu tập -CB, CC tập huấn 3 bộ chỉ số năm 2026 (1).pdf • document - 2026-10-06T094249.095.pdf • document - 2026-10-06T094332.133.pdf • document - 2026-10-06T094828.368.pdf Giải trình: - Thông báo 237 /TB-HĐGDQPAN ngày 04/9/2026 Triệu tập cán bộ bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh đối tượng 4 năm 2026 - Công văn số 20/UBND-VHXX ngày 13/01/2026 về tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm giải quyết TTHC - Công văn số 817/UBND-VHXX ngày 14/8/2026 cử học viên tham gia lớp tập huấn đạo diễn chương trình văn nghệ quần chúng phục vụ nhiệm vụ chính trị năm 2026 - Công văn số 815/UBND-VHXX ngày 14/9/2026 V/v triệu tập học viên cán bộ, công chức tham gia lớp tập huấn 03 Bộ Chỉ số năm 2026 - Công văn số 879/UBND-VHXX ngày 28/9/2026 V/v triệu tập công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng văn hoá công vụ
5.8 Thực hiện cập nhật dữ liệu vào phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % số hồ sơ được nhập so với tổng số × 0.5)/(100%)]</i> <i>Lưu ý: Các hồ sơ không cập nhật dữ liệu thường xuyên, thiếu dữ liệu như quá trình lương, phụ cấp chức vụ,... sẽ không được tính</i>	0.50	0.50	Giải trình: Các cơ quan, đơn vị đã cập nhật đầy đủ thông tin dữ liệu trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức
6 CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	11.00	8.47	
6.1 Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	4.00	1.47	
6.1.1 Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước <i>Thực hiện giải ngân theo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của năm đánh giá, điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN</i>	2.00	0.46	Tài liệu: • BÁO CÁO GIẢI NGÂN ĐẦU TƯ CÔNG.pdf • QĐ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 2026.pdf • BC 368 UBND xã 6.10.2026 - Báo cáo Đầu tư công 9 tháng.pdf Giải trình:

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
$\times 2)/(100\%)]$			Báo cáo giải ngân KH vốn đầu tư công 8 tháng, 9 tháng năm 2026
6.1.2 Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% số kiến nghị được thực hiện}) \times 1/(100\%)]$</i>	1.00	0.01	Giải trình: Trong kỳ đơn vị không có kết luận Thanh tra, Kiểm toán phải thực hiện về Lĩnh vực Tài chính - Ngân sách
6.1.3 Thực hiện quy định việc sử dụng kinh phí từ nguồn Ngân sách nhà nước <i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i> <i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • Báo cáo 34 UBND xã 30.1.2026 tổng hợp tự chủ năm 2025; giai đoạn 2022-2025 Thư Vũ.pdf
6.2 Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	4.00	4.00	
6.2.1 Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • Báo cáo xã Thư Vũ Xử lý cơ sở nhà đất dôi dư theo CV4578STC.pdf • Kèm BC xã Thư Vũ -mẫu 01 XLTS NĐ186-ĐC công an.xlsx • Phiếu trích đo thửa đất UBND xã Vũ Hội.pdf • Báo cáo phục vụ Đoàn Thanh tra theo công văn 696.TTT-P7(xã Thư Vũ) (1).pdf • Phụ lục.xlsx • Báo cáo xã Thư Vũ Xử lý cơ sở nhà đất dôi dư theo CV.2739 ngày 23.5.STC).pdf
6.2.2 Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý <i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0.5</i> <i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • Quy chế quản lý tài sản công.pdf
6.2.3 Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý <i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	0.50	0.50	Tài liệu: • Báo cáo xã Thư Vũ Xử lý cơ sở nhà đất dôi dư theo CV.2739 ngày 23.5.STC).pdf • Báo cáo xã Thư Vũ Xử lý cơ sở nhà đất dôi dư theo CV4578STC.pdf
6.2.4 Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng Tài sản công <i>Có kiểm tra: 1</i> <i>Không kiểm tra: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • BC 135 UBND xã 7.5.2026 Báo cáo kết quả Tổng kiểm kê tài sản năm 2026 xã Thư Vũ.pdf • CV 62. 29.01. đơn đốc tổng KK TS L1.pdf • CV 161. 20.3 đơn đốc tổng KK TS lần 2.pdf
6.2.5 Tổ chức xây dựng, thực hiện, báo cáo Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí... <i>Có tổ chức thực hiện: 1</i> <i>Không tổ chức thực hiện: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • QĐ xã Thư Vũ- TH TKCLP xã Thư Vũ năm 2026.pdf
6.3 Thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan; đơn vị sự nghiệp (SNCL)	2.00	2.00	

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
6.3.1 Tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị SNCL <i>Có tổ chức thực hiện: 1</i> <i>Không tổ chức thực hiện: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • QĐ GIAO QUYỀN TỰ CHỦ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP.pdf
6.3.2 Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các cơ quan, đơn vị SNCL <i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0.5</i> <i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>	0.50	0.50	Giải trình: Không có sai phạm về sử dụng kinh phí nguồn NSNN được phát hiện trong năm đánh giá
6.3.3 Thực hiện tiết kiệm chi trong cơ quan, đơn vị <i>Có thực hiện: 0.5</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	0.50	0.50	Giải trình: Năm 2025 chưa thực hiện giao cơ chế tự chủ cho các phòng ban thuộc UBND xã
6.4 Thực hiện công khai ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã; chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách <i>Có thực hiện: 1</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • QĐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NĂM 2026.pdf
7 XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	11.00	10.25	
7.1 Ban hành kế hoạch phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng, các kế hoạch chuyên đề về chuyển đổi số theo yêu cầu của UBND tỉnh <i>Kế hoạch đảm bảo nội dung theo hướng dẫn và ban hành kịp thời; hoàn thành trên 90% nội dung kế hoạch: 1</i> <i>Kế hoạch không đảm bảo nội dung theo hướng dẫn hoặc ban hành không kịp thời: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • Kế hoạch Triển khai thực hiện Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn xã Thư Vũ giai đoạn 2026-2028.pdf • Kế hoạch Chuyển đổi số xã Thư Vũ 2026.pdf • 1. UBND xã Thư Vũ kế hoạch phát triển KHCN, CDS 2026.2030 trên địa bàn xã Thư Vũ.pdf Giải trình: UBND xã đã ban hành các kế hoạch, đầy đủ nội dung UBND tỉnh triển khai
7.2 Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	10.00	9.25	
7.2.1 Thực hiện vận hành tốt đường truyền số liệu chuyên dùng, Hệ thống giám sát ATTT, phối hợp ứng cứu sự cố mạng <i>Đảm bảo duy trì kết nối đường truyền SLCD và Hệ thống giám sát ATTT, thực hiện đầy đủ các lệnh điều phối hợp ứng cứu sự cố mạng: 1</i> <i>Đảm bảo duy trì kết nối đường truyền SLCD và Hệ thống giám sát ATTT; không thực hiện đầy đủ các lệnh phối hợp ứng cứu sự cố mạng: 0.5</i> <i>Không đảm bảo kết nối, không thực hiện đầy đủ các lệnh phối</i>	1.00	1.00	Giải trình: Đã ban hành văn bản triển khai, đã lập hồ sơ đảm bảo ATTT cấp độ 2

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
<i>hợp ứng cứu sự cố mạng: 0</i>			
7.2.2 Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử <i>Đạt 100%: 1.5</i> <i>Đạt từ 80% - dưới 100%: 1</i> <i>Đạt từ 60% - dưới 80%: 0.5</i> <i>Dưới 60%: 0</i>	1.50	1.50	Tài liệu: • tỷ lệ ký số.pdf Giải trình: TỶ LỆ HỒ SƠ KÝ SỐ CỦA XÃ ĐẠT TRÊN 99 %
7.2.3 Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) <i>Có ứng dụng AI phục vụ công chức, viên chức: 0.5</i> <i>Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp: 0.25</i> <i>Có ứng dụng AI nâng cao khác: 0.25</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • trợ lý ảo.jpg Giải trình: Triển khai tăng cường sử dụng trợ lý ảo Hưng Yên, Chat Bot AI trong phần mềm Thư Vũ số, các nền tảng AI phục vụ công việc
7.2.4 Cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP <i>Có đầy đủ chuyên mục theo quy định: 0.25</i> <i>Cập nhật thường xuyên, kịp thời theo quy định điểm đánh giá được cộng thêm: 0.75</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • cổng thông tin điện tử.jpg Giải trình: Cổng thông tin điện tử được xây dựng, cập nhật thường xuyên các nội dung thông tin tại địa chỉ: https://thuvu.hungyen.gov.vn/
7.2.5 Thực hiện đăng tải công khai các văn bản do đơn vị ban hành lên Trang thông tin điện tử của đơn vị (trừ văn bản mật) <i>100% văn bản thuộc thẩm quyền ban hành được đăng tải: 1</i> <i>Dưới 100% văn bản thuộc thẩm quyền ban hành được đăng tải: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • cchc.jpg Giải trình: Thực hiện đăng tải đầy đủ các văn bản trên trang CTTĐT xã
7.2.6 Đài truyền thanh cấp xã có chuyên mục chuyển đổi số <i>Có chuyên mục về chuyển đổi số, tần xuất 3 tin bài/ tháng: 1</i> <i>Có (hoặc không), tần xuất dưới 3 tin bài: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • Kế hoạch tuyên truyền công tác trọng tâm tháng 9.pdf Giải trình: Truyền thanh cấp xã có chuyên mục chuyển đổi số cấp xã phục vụ các đợt tuyên truyền trọng tâm theo từng tháng.
7.2.7 Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh <i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	1.00	1.00	Tài liệu: • hệ thống báo cáo.jpg Giải trình: Thực hiện đầy đủ các nội dung báo cáo trên hệ thống báo cáo thực hiện Nghị quyết 57 và hệ thống theodoinq do tỉnh triển khai
7.2.8 Thực hiện xây dựng danh mục hồ sơ, tài liệu và giao nộp hồ sơ lưu trữ điện tử hàng năm <i>Có thực hiện xây dựng danh mục hồ sơ tài liệu: 0.25</i>	1.00	0.25	Tài liệu: • QĐ 74.26 danh mục hồ sơ năm 2026 (dấu).pdf Giải trình:

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
<i>Có thực hiện giao nộp 100% hồ sơ lưu trữ điện tử theo danh mục thì điểm đánh giá được cộng thêm: 0.5</i> <i>Có thực hiện giao nộp hồ sơ lưu trữ điện tử ngoài danh mục: 0.25</i>			Có danh mục hồ sơ năm 2026 của UBND xã
7.2.9 Tỷ lệ hồ sơ điện tử được lập và xử lý trên phần mềm QLVBDH <i>Đảm bảo hoàn thành từ 80% trở lên chỉ tiêu về lập số hồ sơ điện tử theo kế hoạch giao hàng năm: 1.5</i> <i>Đảm bảo hoàn thành từ 70% đến dưới 80% chỉ tiêu về lập số hồ sơ điện tử theo kế hoạch giao hàng năm: 1</i> <i>Đảm bảo hoàn thành từ 50% đến dưới 70% chỉ tiêu về lập số hồ sơ điện tử theo kế hoạch giao hàng năm: 0.5</i> <i>Dưới 50%: 0</i>	1.50	1.50	Tài liệu: • tỷ lệ ký số.pdf Giải trình: XÃ ĐẠT TỶ LỆ 99,39% VĂN BẢN KÝ SỐ ĐIỆN TỬ
II ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS)	22.00	—	
III ĐIỂM THƯỞNG VÀ ĐIỂM TRỪ	0.00	3.00	
1 Điểm thưởng	4.00	3.00	
1.1 Có từ 05 tin, bài/năm được biên soạn, đăng tải những nội dung về công tác CCHC tại bản tin hoặc trên Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1.00	1.00	Tài liệu: • 5 bài chuẩn.jpg
1.2 Có phương án đơn giản hóa TTHC được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, thông qua	1.00	1.00	Giải trình: UBND xã giao cho Trung tâm Phục vụ HCC thường xuyên rà soát , đánh giá TTHC
1.3 Tổ chức các lớp bồi dưỡng, triển khai các nội dung về CCHC đến CB, CC, VC	1.00	1.00	Tài liệu: • CV triệu tập -CB, CC tập huấn 3 bộ chỉ số năm 2026 (1).pdf Giải trình: Cử cán bộ, công chức tập huấn theo CV chỉ đạo cầu cấp trên
1.4 Có sáng kiến, giải pháp nội dung về CCHC được Hội đồng sáng kiến tỉnh công nhận	1.00	—	
2 Điểm trừ	-3.00	—	
2.1 Tài liệu kiểm chứng có các văn bản chèn số (ví dụ: 11a, b, c,...) hoặc trùng số hoặc sắp xếp tài liệu không khoa học, không xếp theo đúng thứ tự, trình tự giải quyết công việc	-1.00	—	
2.2 Không triển khai thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh	-1.00	—	

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng / Giải trình
giao bằng văn bản có nội dung về công tác CCHC hoặc thực hiện báo cáo không, không đúng số liệu, bị cấp trên phát hiện trong năm đánh giá (gọi chung là vi phạm)			
2.3 Cơ quan, đơn vị được xếp hạng chỉ số CCHC thuộc nhóm trung bình trở xuống trong 2 năm liên tiếp liền kề năm đánh giá hoặc có Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt dưới mức 80%	-3.00	—	